

## 119. KINH THUYẾT XỨ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vê, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ở đây có ba thuyết xứ<sup>2</sup>, chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói<sup>3</sup> rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu, biết’, Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’.

“Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ nói mà nói<sup>4</sup> như vầy: ‘Trong thời quá khứ có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai nói mà nói như vầy: ‘Trong thời vị lai có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại nói mà nói như vầy: ‘Trong thời hiện tại có’.

“Đó gọi là ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu biết’. Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’. Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

“Hiền Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vì ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc<sup>5</sup> một pháp. Vì ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiền Thánh đệ tử sau khi đã được chánh định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Do điều được nói<sup>6</sup> nên có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà không trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà không trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà không trả lời xả trí<sup>7</sup>. Như vậy, Hiền

1. Tương đương Pāli: A.iii.67 Kathāvatthu. Kinh số 86 ở trên cùng tên với kinh này.

2. Thuyết xứ ——B—C Pāli: tīni kathāvatthūni, “ba luận sự”. Tam ngôn y —T——A xem Tập Dị 3 (Đại 26, tr.378 c - 78 a).

3. Thuyết nhị thuyết ——C Pāli: Katham katheyya, có thể nói về vấn đề.

4. Nhân quá khứ thuyết nhị thuyết —]—L—h————R Pāli: atītam vā addhānam ārabba katham katheyya, có thể nói về vấn đề liên hệ thời quá khứ.

5. Hán: tác chứng —@—C

6. Nhân sở thuyết —]—C Pāli: Kathāsampayogena, bằng sự liên hệ với ngôn thuyết.

7. Nhất hướng luận —@—V—(ekāṁsavyākaranīyam), phân biệt luận ——O—(vibhajjhavyākaranīyam), cật luận ——(paṭipucchāvyākarannīyam), chỉ luận ——(thapanīyam), Bốn trường hợp đặt câu hỏi và phải trả lời, bốn ký vấn (Tập dị 8, Đại 26 tr. 401a-11a): Nhất hướng ký vấn, phân biệt ký vấn, phản cật ký vấn, xả trí ký vấn.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà trả lời xả trí. Như vậy, Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

“Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích<sup>8</sup>; như vậy thì Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích; như vậy thì Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

“Do điều được nói, với lời nói trầm tĩnh<sup>9</sup>, xả bỏ sở kiến của mình, xả bỏ ý kết oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ bất ngữ<sup>10</sup>, xả bỏ tật đố, không háo thang, không ép người, không chấp chặt khuyết điểm, nói nghĩa nói pháp<sup>11</sup>. Sau khi nói nghĩa nói pháp, khuyên dạy, rồi lại khuyên dạy cho bồ<sup>12</sup>, tự mình hoan hỷ, khiến người kia cùng hoan hỷ. Thuyết nghĩa như vậy, thuyết sự như vậy, là Thánh thuyết nghĩa, là Thánh thuyết sự<sup>13</sup>; nghĩa là đã cứu cánh tận diệt hết lậu.”

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Luận tranh và luận nghị,  
Ý tạp, lòng cống cao;  
Nghịch Thánh, chê Thánh đức,  
Mong câu khuyết điểm nhau.  
Khai thác lỗi bất cẩn,  
Khăng khăng khuất phục người,  
Đối địch đều háo thang;  
Thánh không nói như vậy.  
Nếu mong thành luận nghị,  
Người trí biết tùy thời,  
Có pháp và có nghĩa,  
Chư Thánh luận như vậy.  
Người trí nói như vậy,  
Không cãi, không cống cao,  
Ý không biết nhảm đủ,  
Không kết, không oán thù.  
Tùy thuận, không điên đảo  
Mỗi lời hợp chánh tri,*

<sup>8</sup>. Xứ phi xứ —B—D—B(Pāli: thānāthāna), (không được xác định là) hợp lý hay không hợp lý; sở tri ——(Pāli: parikappa) (có hay không có) chủ đích; thuyết dụ ——(Pāli: aññātavāda) ngôn ngữ được chấp thuận (của bậc trí); đạo tích (Pāli: patipadā), thực tiễn (được xác định bằng thực tiễn hành động).

<sup>9</sup>. Chỉ tức khẩu hành ——f—C

<sup>10</sup>. Hán: bất ngữ ——y—A không rõ nghĩa. Có lẽ Pāli: dubbhāsitam, lời nói khó nghe, ác ngữ.

<sup>11</sup>. Hán: nghĩa thuyết pháp thuyết —q—k—C Pāli: athavādī dhammavādī, lời nói hữu ích, lời nói đúng pháp.

<sup>12</sup>. Hán: giáo phục giáo chỉ ——\_—C Có lẽ Pāli: sataṃ ve hoti mantanā, được lưu ý và thật sự được khuyến cáo.

<sup>13</sup>. Pāli: evam kho ariyā mantenti, esā ariyāna mantanā, “Các Thánh đàm luận như vậy; đó là những điều được các Thánh đàm luận”.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Khéo nói thì có thể  
Trọn không lời xấu xa.  
Không luận vì luận tranh,  
Không tùy người thách đố;  
Biết xứ và thuyết xứ,  
Là điều được luận bàn.  
Đây là lời Thánh nhân  
Người trí, hai mục đích<sup>14</sup>,  
Cho đời này bình an,  
Cho đời sau khoái lạc.  
Nên biết người thông đạt,  
Thuyết phi đảo, phi thường<sup>15</sup>.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



---

<sup>14.</sup> Hán: *câu đắc nghĩa* ——o—q—A được lợi (nghĩa) cả hai đường.

<sup>15.</sup> Pāli: etad aññāya medhāvī na samusseyya, sau khi nhận thức được điều đó, bậc trí không nói lời khoa đại.